

Bản án số: 266/2026/HS-ST
Ngày 31-7-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Nhân – Cán bộ hưu

Ông Ngô Văn Phúc – Cán bộ UBND xã Xuân Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triệu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 253/2026/HSST ngày 13 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2026/QĐXXST-HS ngày 16/7/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Văn T**, sinh ngày 19/12/1958 tại Bắc Ninh; tên gọi khác: không; căn cước công dân số 024058003858; nơi cư trú: **tổ dân phố H, phường V, tỉnh Bắc Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Dương Văn X** (đã chết) và bà **Dương Thị H**, sinh năm 1938; có vợ là **Hoàng Thị N**, sinh năm 1966 và 02 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 13/7/2026 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Bà **Trần Thu T1** và bà **Vũ Thị H1** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B** (có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Dương Văn T2**, sinh năm 1963; Địa chỉ: **tổ dân phố H, phường V, tỉnh Bắc Ninh**. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn T, sinh năm 1958 và ông Dương Văn T2, sinh năm 1963, cùng trú tại thôn H, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố H, phường V, tỉnh Bắc Ninh). Ông T2 nhiều khóa tham gia làm Phó Trưởng thôn và Trưởng thôn Hạ Lát, xã T. Trong thời gian ông T2 làm Phó Trưởng thôn và Trưởng thôn Hạ Lát, Dương Văn T có một số lần không chấp hành nội quy, quy định của địa phương nên giữa ông T2 và T đã xảy ra lời qua tiếng lại, mâu thuẫn với nhau.

Ngày 04/04/2025, sau khi kết thúc nhiệm kỳ Trưởng thôn, ông T2 tổ chức uống rượu ăn cơm tại gia đình. Sau bữa cơm, ông T2 được người thân trong gia đình nói cho biết việc: mấy hôm trước có nhìn thấy T mang dao theo người và nói là đi tìm ông T2 để đánh. Do bức xúc về việc T đi tìm mình để đánh nên khoảng 19 giờ cùng ngày, ông T2 cầm theo 01 thanh kim loại (hình hộp chữ nhật, màu xám bạc, kích thước (04 x 02)cm, dài 70cm) rồi điều khiển xe mô tô đến nhà ở của gia đình T để nói chuyện với T. Khi đến nơi, ông T2 dựng xe mô tô ở cổng, cầm theo thanh kim loại đi đến gần khu vực cánh cửa cổng của gia đình T rồi sử dụng thanh kim loại này đập vào cánh cổng; vừa đập thanh kim loại vào cánh cổng, ông T2 vừa chửi Tàn. Lúc này, T đang ở trong nhà nghe tiếng chửi ở ngoài cổng nên đi ra cổng gặp ông T2. Tại đây, T và ông T2 lời qua tiếng lại, cãi chửi nhau; ông T2 đã cầm thanh kim loại vụt nhiều cái về phía người Tàn, T giơ tay phải lên đỡ nên đã bị thanh kim loại vụt trúng nhiều cái vào cánh tay. Bị đánh đau, T chạy vào bên trong phòng ngủ của T rồi lấy từ trên đỉnh tủ gỗ 01 con dao bằng kim loại (dạng dao bầu, có tổng chiều dài 31,5cm; phần lưỡi dài 17,5cm, có 01 cạnh sắc, một đầu nhọn, bản rộng nhất 6,5cm; phần tay cầm bằng gỗ, dài 14cm) cầm dao ở trên tay đi ra phía cổng nơi ông T2 đang đứng, tay phải T cầm dao chém nhiều nhất về phía người ông T2, ông T2 giơ hai tay lên đỡ nên đã bị con dao chém trúng 03 nhát vào hai tay, sau đó T dùng con dao đâm 01 nhát trúng vào nách phải của ông T2 làm ông T2 bị thương chảy máu. Khi thấy T và ông T2 đánh nhau, một số người hàng xóm đã can ngăn nên sự việc dừng lại. Tàn mang con dao đã sử dụng gây thương tích cho ông T2 cất vào vị trí cũ. Ông T2 và T được người nhà đưa đến Trạm Y tế xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là Đ trạm Tiên Sơn - Trạm Y tế phường V, tỉnh Bắc Ninh) sơ cứu vết thương, sau đó ông T2 được đưa đến Bệnh viện Q điều trị vết thương từ ngày 04/4/2025 đến ngày 14/4/2025; Tàn được đưa đến Trung tâm Y tế thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là Bệnh viện Đ1) điều trị vết thương từ ngày 05/4/2025 đến ngày 08/4/2025.

Ngày 04/4/2025, Dương Văn T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 con dao bằng kim loại (dạng dao bầu) có tổng chiều dài 31,5cm; phần lưỡi dài 17,5cm, có 01 cạnh sắc, một đầu nhọn, bản rộng nhất 6,5cm; phần tay cầm bằng gỗ, dài 14cm

(là con dao Tàn sử dụng gây thương tích cho ông T2). Ngày 05/4/2025, anh Dương Văn T3, sinh năm 1982, trú tại thôn H, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố H, phường V, tỉnh Bắc Ninh)- là cháu ruột của ông T2 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 thanh kim loại hình hộp chữ nhật, màu xám bạc, kích thước (04 x 02)cm, dài 70cm (là thanh kim loại ông T2 sử dụng gây thương tích cho T).

Ngày 05/4/2025 và ngày 21/4/2025, anh Dương Văn H2 sinh năm 1990 (con trai ông Dương Văn T2) và ông Dương Văn T2 có đơn trình báo và đơn yêu cầu khởi tố đối với T gửi đến Cơ quan điều tra; Ngày 28/7/2025, Dương Văn T có đơn yêu cầu khởi tố đối với ông T2.

Cơ quan điều tra tiến hành thu thập Bệnh án điều trị vết thương, ra Quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Trung tâm P- Sở Y tế tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) giám định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với ông Dương Văn T2 và Dương Văn T, vật gây thương tích.

Tại Bệnh án ngoại khoa số 2504040509 của Bệnh viện Q- Cục H4, xác định: ông Dương Văn T2 vào viện lúc 20 giờ 50 phút ngày 04/4/2025, ra viện ngày 14/4/2025; chẩn đoán: vết thương phần mềm vùng nách phải; vết thương phần mềm mu tay 02 bên; đứt gân duỗi ngón 2 tay phải.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 3176/25/KLTTCT- TTPY ngày 20/5/2025 của Trung tâm P- Sở Y tế tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh), kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Dương Văn T2 tại thời điểm giám định là 13% (thương tích vết sẹo khớp bàn ngón II tay phải kích thước trung bình + Đứt gân duỗi ngón 2 bàn tay phải + khám thần kinh vận động: khâu nối gân duỗi ngón II bàn tay phải điều trị chưa phục hồi: 9%; Thương tích vết sẹo mu bàn tay trái kích thước nhỏ: 1%; Thương tích vết sẹo đốt 2 ngón III bàn tay trái kích thước trung bình: 2%; Thương tích vết sẹo vùng nách phải kích thước trung bình: 2%).

Tại Kết luận giám định vật gây thương tích số 3176B/25/KLTTCT- TTPY ngày 23/5/2025 của Trung tâm P- Sở Y tế tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh), kết luận: Con dao gửi giám định (dạng dao bầu có tổng chiều dài 31,5cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 17,5cm, có 01 cạnh sắc, một đầu nhọn, bản rộng nhất 6,5cm; phần tay cầm bằng gỗ, dài 14cm) gây được các thương tích cho Dương Văn T2.

Tại Bệnh án ngoại khoa số 132795 của Trung tâm Y tế thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là Bệnh viện Đ1) xác định: Dương Văn T vào viện lúc 00 giờ 13 phút ngày 05/4/2025, ra viện ngày 08/4/2025; chẩn đoán: 1/3 trên mặt trong cẳng tay trái có 02 vết thương, mỗi vết có kích thước 03cm; vết thương phần mềm vùng đỉnh phải kích thước 5cm.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 3196/25/KLTTCT- TTPY ngày 23/5/2025 của Trung tâm P- Sở Y tế tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh), kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Dương Văn T tại thời điểm

giám định là 3% (thương tích sẹo vùng đỉnh phải kích thước nhỏ 1%; thương tích vết sẹo mặt trong 1/3 trên cằm tay trái kích thước (02 x 0,2)cm: 1%; thương tích vết sẹo mặt trong 1/3 trên cằm tay trái kích thước (2,2 x 0,2)cm: 1%).

Tại Kết luận giám định vật gây thương tích số 3196B/25/KLTTCT- TTPY ngày 26/5/2025 của Trung tâm P- Sở Y tế tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh), kết luận: T4 kim loại gửi giám định (hình hộp chữ nhật kích thước (04 x 02)cm, dài 70cm) là vật gây được thương tích cho Dương Văn T.

Ngày 23/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh B ra Quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Phòng K- Công an tỉnh B giám định con dao (dạng dao bầu, dài 31,5cm; phần lưỡi bằng kim loại, dài 17,5cm, có 01 cạnh sắc, một đầu nhọn, bản rộng nhất 6,5cm; phần tay cầm bằng gỗ, dài 14cm) Dương Văn T sử dụng gây thương tích cho ông Dương Văn T2 có phải là vũ khí quân dụng không.

Tại Kết luận giám định số 625/KL-KTHS ngày 03/02/2026 của Phòng K- Công an tỉnh B, kết luận: “Mẫu vật gửi giám định là Dao sắc, nhọn thuộc Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” của Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C.”.

Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng con dao và T5 đã thu giữ để chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, Dương Văn T đã bồi thường cho Dương Văn T2 số tiền 24.000.000 đồng. Đến nay, ông T2 không yêu cầu T phải bồi thường khoản tiền nào khác; Dương Văn T không yêu cầu ông T2 phải bồi thường thiệt hại đối với thương tích ông T2 gây nên cho T.

Tại cơ quan điều tra, Dương Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 127A/CT-VKS-KV2 ngày 08/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua tranh tụng tại phiên toà, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

* Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 304; Điểm b, e, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường V, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại hình hộp chữ nhật, kích thước (4x2)cm, dài 70cm, màu xám – bạc, đã qua sử dụng (có niêm phong) và 01 con dao dài 32,5cm; lưỡi dao chỗ rộng nhất 6,5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, mũi sao sắc nhọn, đã qua sử dụng (có niêm phong)

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo

Bị cáo không có tranh luận gì

Ông T2 tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Trợ giúp viên pháp lý Trần Thu T1, Vũ Thu H3 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người cao tuổi, là người khuyết tật nặng và hiện đang bị bệnh động kinh thứ phát thể lớn, bị bệnh tắc nghẽn tĩnh mạch phổi mạn tính vẫn phải điều trị bằng thuốc ngoại trú hàng ngày nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm b, p, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng. Do bị cáo là người cao tuổi và người khuyết tật nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không bổ sung tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, Hội đồng xét xử thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có vi phạm gì. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/4/2025, tại khu vực cổng nhà ở của gia đình Dương Văn T ở thôn H, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố H, phường V, tỉnh Bắc Ninh); do bức tức về việc bị ông Dương Văn T2, sinh năm 1963, trú tại thôn H, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố H, phường V, tỉnh Bắc Ninh) đến nhà T chửi T và sử dụng thanh kim loại mang theo đánh vào người T nhiều cái, T đã sử dụng 01 con dao (dạng dao bầu, dài 31,5cm; phần lưỡi dao bằng kim loại, dài 17,5cm, có 01 cạnh sắc, một đầu nhọn, bản rộng nhất 6,5cm; phần tay cầm bằng gỗ, dài 14cm) thuộc Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” (ban hành kèm theo Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 Bộ C) chém nhiều nhát vào người ông T2 làm ông T2 bị thương “Vết thương phần mềm vùng nách phải; vết thương phần mềm mu tay 02 bên; đứt gần đuôi ngón 2 tay phải” với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên được xác định là 13% (mười ba phần trăm). Căn cứ vào Kết luận giám định xác định con dao mà T sử dụng gây thương tích cho ông T2 là vũ khí quân dụng theo quy định tại điểm d khoản 2 và khoản 6 Điều 2 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý dùng dao thuộc loại dao có tính sát thương cao gây thương tích cho ông Dương Văn T2 với tỷ lệ thương tích 13%. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm những quy định của Nhà nước về an toàn công cộng, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về quản lý vũ khí quân dụng và xâm phạm tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Cáo trạng số 127A/CT-VKS-KV2 ngày 08/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho ông Dương Văn T2; bị cáo phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra đối với bị cáo; bị cáo là người khuyết tật nặng; bị cáo có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T2 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, e, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; quá trình sinh sống, học tập, lao động tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của địa phương; bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bản thân thì cáo là người khuyết tật nặng, bị bệnh động kinh thứ phát cơn lớn, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với chính sách khoan hồng của Nhà nước được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận.

[6] Xét thấy bị cáo là người cao tuổi và là người khuyết tật nặng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với hành vi bị cáo Dương Văn T dùng dao gây thương tích 13% cho ông Dương Văn T2; ông Dương Văn T2 dùng thanh sắt gây thương tích 3% cho Dương Văn T: Quá trình điều tra, T và ông T2 đã tự nguyện rút đơn yêu cầu khởi tố trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra hình sự và Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với T và T2 về hành vi “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngày 02/4/2026 Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Dương Văn T2; ngày 03/4/2026 Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Dương Văn T cùng về hành vi “Cố ý gây thương tích” là đúng quy định của pháp

luật nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo **T** và ông **T2**.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, **Dương Văn T** đã bồi thường cho ông **Dương Văn T2** 24.000.000 đồng. Đến nay ông **T2** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với thương tích của bị cáo, bị cáo không yêu cầu ông **Dương Văn T2** bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với xe 01 thanh kim loại hình hộp chữ nhật, kích thước (4x2)cm, dài 70cm, màu xám – bạc, đã qua sử dụng (có niêm phong) và 01 con dao dài 32,5cm; lưỡi dao chỗ rộng nhất 6,5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, mũi dao sắc nhọn, đã qua sử dụng (có niêm phong) là vật chứng do bị cáo **T** và ông **T2** dùng để gây thương tích cho nhau, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo **Dương Văn T** là người cao tuổi và là người khuyết tật nên cần miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[11] Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 304; Điểm b, p, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Dương Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân phường V**, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87, Điều 66 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Dương Văn T.**

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại hình hộp chữ nhật, kích thước (4x2)cm, dài 70cm, màu xám – bạc, đã qua sử dụng (có niêm phong) và 01 con dao dài 32,5cm; lưỡi dao chỗ rộng nhất 6,5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, mũi dao sắc nhọn, đã qua sử dụng (có niêm phong)

(Vật chứng có đặc điểm như phiếu nhập kho vật chứng ngày 31/7/2026 của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B**)

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 - Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Linh Chi